| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ V**<br>**TỈNH VĨNH PHÚC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST<br>Ngày 08 tháng 11 năm 2018<br>V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Ông Mầu Văn Mùi

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Sái Văn Trọng và bà Nguyễn Thị Thúy Nga

***- Thư ký phiên toà***: Bà Kiều Thị Hằng, Thư ký tòa án Toà án nhân dân thành phố V

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa*:** Bà Hà Thị Loan, Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 107/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Km 3, đường Trần Phú, xã ĐT, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: thôn TN, xã AL, thị xã CL, tỉnh Hải Dương (có mặt).

***Bị đơn***: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Km 3, đường TP, xã ĐT, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2018 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau ngày 26/3/2012, trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, thành phố V. Trước khi kết hôn chị đã về gia đình anh H sinh sống và ở chung cùng gia đình chồng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường đến tháng 2 năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường xuyên chơi bời, cờ bạc, rượu chè, không chịu khó làm ăn và không quan tâm gì đến gia đình. Ngoài ra anh H còn đánh đập và cắm

cố tài sản của gia đình. Khi vợ chồng mâu thuẫn, va chạm chị phải sang nhà chị gái chồng ở nhờ và ngày 29/5/2018 chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở Hải Dương sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh H.

*Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 05/3/2012 và Nguyễn Khánh V, sinh ngày 25/10/2014. Hiện nay cháu V đang ở cùng chị, cháu A đang ở cùng anh H. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản, công nợ, công sức*: Chị không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn là anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa. Tại Bản tự khai và quá trình giải quyết, anh Nguyễn Văn H trình bày*:

*Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau ngày 26/3/2012, trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, thành phố V. Quá trình chung sống vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, thời gian gần đây chị N hay giận dỗi và ngày 30/5/2018 chị N tự ý đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở tỉnh Hải Dương sinh sống. Nay anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, anh vẫn yêu thương vợ và anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con. Nếu chị N kiên quyết ly hôn anh cũng đồng ý.

*Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 05/3/2012 và Nguyễn Khánh V, sinh ngày 25/10/2014. Hiện nay cháu V đang ở cùng chị N, cháu A đang ở cùng anh. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản, công nợ, công sức*: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đề nghị hội đồng xét xử*: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Giao chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Khánh V và anh H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Bảo A. Chị N, anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn H và đề nghị giải quyết nuôi con chung nên đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn là anh H hiện đang cư trú tại xã ĐT, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc nên theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau ngày 26/3/2012, trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, thành phố V. Đây là hôn nhân hợp pháp, tiến bộ. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng anh chị bình thường đến tháng năm 5/2018 phát sinh mâu thuẫn. Quá trình mâu thuẫn, xô sát chị N phải sang nhà chị gái anh H để ở nhờ và đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Từ đó đến nay vợ chồng anh chị không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh H mong muốn vợ chồng về đoàn tụ với nhau để nuôi con nhưng anh H thường xuyên vắng mặt tại phiên H giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa và anh H cũng không có phương hướng gì để vợ chồng đoàn tụ. Tại bản tự khai của anh H thể hiện nếu chị N kiên quyết ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị N và cho chị N được ly hôn anh H là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị N, anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 05/3/2012 và cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 25/10/2014. Hiện nay cháu Vy đang ở cùng chị N, cháu An đang ở cùng anh H. Xét nguyện vọng của chị N, anh H cùng đề nghị được nuôi dưỡng 2 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng thấy: Hiện nay cháu V đang sinh sống và học tập cùng chị N, cháu A đang sinh sống và học tập cùng anh H nên để tránh xáo trộn trong cuộc sống, học tập và sinh hoạt của các cháu cần giao cháu V cho chị N và giao cháu A cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] *Về tài sản, công nợ, công sức*: Chị N, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn H.

[2] *Về nuôi con chung*: Giao chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 25/10/2014 (hiện nay cháu V đang ở cùng chị N). Giao anh Nguyễn Văn H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 05/3/2012 (hiện nay cháu A đang ở cùng anh H). Chị N, anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[3] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0004323 ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND xã ĐT (ĐKKH số 23 năm 2012);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Mầu Văn Mùi**